TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHỢ MỚI
TỈNH AN GIANG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 199/2020/HNGĐ-ST.
Ngày: 11/9/2020.
V/v tranh chấp HNGĐ- Ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHỢ MỚI, TỈNH AN GIANG

- *Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:*

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Thanh Bình.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phan Thị Nga.

2. Ông Nguyễn Văn Khanh.

- *T1 ký phiên tòa:* Bà Võ Thị Thảo. T1 ký Toà án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang*: Ông Nguyễn Văn Lộc – Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 149/2020/TLST-HNGĐ ngày 11 tháng 02 năm 2020 về tranh chấp hôn nhân gia đình "Ly hôn", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 424/2020/QĐXX-ST ngày 3 tháng 8 năm 2020 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Bà Đặng Thị B– Sinh năm 1981. Nơi cư trú: Ấp KH 1, xã KT, huyện CM, tỉnh An Giang. Có mặt.

2. Bị đơn: Ông Phạm Văn T – sinh năm 1977. Địa chỉ: Ấp KH 1, xã KT, huyện CM, tỉnh An Giang. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Đặng Thị B trình bày: Bà và ông T quen biết, kết hôn và chung sống với nhau vào năm 1999 có đăng ký kết hôn. Chung sống đến năm 2018 thì xảy ra mâu thuẫn, vợ chồng T1ờng xuyên cải nhau do bất đồng quan điểm nên vợ chồng không còn chung sống với nhau từ năm 2019 cho đến nay. Nhận thấy tình cảm không còn yêu cầu được ly hôn với ông T.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Phạm Kim N – sinh ngày 27/01/1999; Phạm Thị A – sinh ngày 14/01/2006 và Phạm Thị Kim T1, sinh ngày 20/11/2012. Hiện cháu N đã trưởng thành, còn cháu A do bà nuôi dưỡng, cháu T1 do

ông T nuôi dưỡng, khi ly hôn yêu cầu được tiếp tục nuôi con chung tên A đồng ý để ông T nuôi cháu Kim T1 không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết .

Về quan hệ nợ chung: không có.

Bị đơn ông Phạm Văn T trình bày: Ông và bà B kết hôn vào năm 1999, có đăng ký kết hôn. Vợ chồng chung sống đến tháng 5/2019 thì xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do bà B không còn tình cảm với ông. Hiện vợ chồng không còn chung sống với nhau. Nay bà B xin ly hôn ông không đồng ý. Tùy Tòa án giải quyết.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Phạm Kim N – sinh ngày 27/01/1999; Phạm Thị A – sinh ngày 14/01/2006 và Phạm Thị Kim T1, sinh ngày 20/11/2012. Hiện cháu N đã trưởng thành, còn cháu A do bà B nuôi dưỡng cháu T1 do ông nuôi dưỡng, khi ly hôn yêu cầu được nuôi con chung tên Kim T1, cháu A do bà B nuôi dưỡng, không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về quan hệ tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết .

Về quan hệ nợ chung: không có.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến, việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, T1 ký và những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định của pháp luật. Về giải quyết vụ án, hôn nhân giữa bà B và ông T là hợp pháp có đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Vợ chồng mâu thuẫn và có thời gian dài và không còn chung sống đã lâu, nên vợ chồng không thể hàn gắn, về con chung cháu N đã đã trưởng thành nên không đề cập đến, đối với cháu A được bà B chăm sóc nuôi dưỡng, cháu T1 do ông T nuôi cuộc sống đã ổn định nên đề nghị để bà B nuôi dưỡng cháu A, ông B nuôi cháu T1, các bên không yêu cầu cấp dưỡng nuôi không xem xét đến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1].Về thủ tục tố tụng: Bà Đặng Thị B khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Phạm Văn T có nơi cư trú tại xã Kiến Thành, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang, nên Tòa án nhân dân huyện Chợ Mới thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại các Điều 28, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2].Về nội dung tranh chấp

[2.1]. Hôn nhân giữa bà B và ông T là do quen biết từ trước có làm đám cưới và có đăng ký kết hôn theo quy định nên hôn nhân được pháp luật thừa nhận và bảo vệ. Quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bà B yêu cầu ly hôn, ông T không đồng ý ly hôn nhưng lại không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy mâu thuẫn của bà B và ông T diễn ra trong thời gian vợ chồng đi thành phố Hồ Chí Minh để làm công nhân chủ yếu vợ chồng thường xuyên cải nhau do bất đồng quan điểm trong sinh hoạt gia đình, quản tiền bạc, ông T không tin tưởng bà B nên từ đó vợ chồng hay cải nhau, khi vợ chồng mâu thuẫn thì ông T đánh bà B, nên mâu

thuẫn ngày càng trầm trọng, vợ chồng không còn chung sống với nhau từ tháng 5/2019 đến nay cả hai không tạo điều kiện cho nhau để hàn gắn nên mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014. Nghĩ nên chấp nhận yêu cầu của bà B xin ly hôn ông T.

[2.2].Về quan hệ con chung: Bà B và ông T có 03 con chung tên Phạm Kim N – sinh ngày 27/01/1999; Phạm Thị A – sinh ngày 14/01/2006 và Phạm Thị Kim T1, sinh ngày 20/11/2012. Hiện cháu N đã trưởng thành, còn cháu A do bà B nuôi dưỡng cháu T1 do ông T nuôi dưỡng, khi ly hôn bà B được tiếp tục nuôi cháu A, ông T yêu cầu được nuôi con chung tên Kim T1, bà B ông T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con. Về điều kiện nuôi con hiện bà B và ông T điều làm công nhân thu nhập bình quân khoảng 10.000.000đ/tháng. Các cháu A và cháu Kim T1 được chăm sóc nuôi dưỡng tốt, cuộc sống đã ổn định cháu vẫn phát triển bình T1ờng và được đi học. Vì vậy nghĩ nên tiếp tục giao con chung tên A cho bà B nuôi dưỡng, ông T được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Kim T1 cả hai không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà B, ông T cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở bà B, ông T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

*[2.3].*Về tài sản: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Ghi nhận bà B và ông T xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

*[3].*Về án phí hôn nhân sơ thẩm: bà B phải chịu án phí theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83; Điều 84 Luật Hôn nhân và Gia đình; Điều 147; Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Đặng Thị B xin ly hôn ông Phạm Văn T.

Giấy chứng nhận kết hôn số 189, ngày 14/10/2016 do Ủy ban nhân dân xã Kiến Thành, huyện Chợ Mới, tỉnh An Giang cấp không còn giá trị pháp lý.

Về quan hệ con chung: Bà Đặng Thị B được tiếp tục nuôi con chung tên Phạm Thị A – sinh ngày 14/01/2006. Ông Phạm Văn T được tiếp tục nuôi con chung tên Phạm Thị Kim T1, sinh ngày 20/11/2012.

Bà Phạm Thị B và ông Phạm Văn T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bà Đặng Thị B, ông Phạm Văn T cùng các thành viên gia đình (nếu có) không được cản trở bà B, ông T trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con.

Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của người thân thích của con, cơ quan có thẩm quyền, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con, buộc cấp dưỡng nuôi con chung dựa trên các căn cứ do pháp luật quy định.

Về quan hệ tài sản chung: Không có.

Về quan hệ nợ chung: Ghi nhận bà B và ông T xác định không có nợ chung, nhưng sau khi bản án ly hôn có hiệu lực pháp luật, nếu có đương sự xuất trình chứng cứ chứng minh nợ chung của vợ chồng trong thời kỳ hôn nhân thì hai bên phải liên đới chịu trách nhiệm trong vụ án khác.

Về án phí hôn nhân sơ thẩm: Bà Đặng Thị B phải chịu 300.000đ được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí 300.000đ theo biên lai thu số 0008024 ngày 11/02/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Chợ Mới.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự./

Nơi nhận:
-TAND tỉnh An Giang;
- VKSND huyện Chợ Mới;
- UBND xã nơi đăng ký kết hôn;
- Chi cục THADS huyện Chợ Mới;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Trần Thanh Bình